

# Thương mại tại châu Á - Việt Nam: Biến tham vọng thành hiện thực

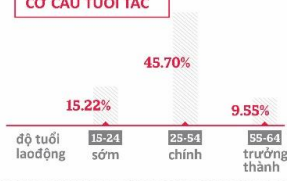
Bất chấp một năm đầy thách thức đối với hầu hết các nền kinh tế trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh nhất trong 25 năm (ở mức 8,02%) vào năm 2022. Đất nước đang được hưởng lợi từ sự chuyển đổi hiểm có của chuỗi cung ứng toàn cầu khi các thương hiệu quốc tế như Apple và Samsung Electronics mở rộng hoạt động sản xuất và nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Các cơ quan xếp hạng quốc tế đã nâng cấp xếp hạng tín dụng dài hạn của Việt Nam, phản ánh nền tảng kinh tế vĩ mô đã được cải thiện và khả năng phục hồi của quốc gia. Đây là tín hiệu tốt cho nền kinh tế Đông Nam Á khi đặt mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế toàn cầu không ổn định đang mang đến những trở ngại ngắn hạn. Nhu cầu xuất khẩu dự kiến sẽ giảm trong vài tháng tới do lạm phát và lãi suất cao tại các thị trường xuất khẩu chính.

## VIỆT NAM


| DÂN SỐ                             | TĂNG TRƯỞNG GDP              | GDP ĐẦU NGƯỜI   | TỔNG XUẤT KHẨU (tỷ)                | TỔNG NHẬP KHẨU (tỷ)                |
|------------------------------------|------------------------------|---|------------------------------------|------------------------------------|
| 99.50 triệu <small>Q1 2023</small> | 3.32% <small>Q1 2023</small> | \$4,480 USD <small>Q1 2023</small><br><small>(ước tính)</small> | \$79.17 USD <small>Q1 2023</small> | \$75.10 USD <small>Q1 2023</small> |
| 99.50 triệu <small>2022</small>    | 8.02% <small>2022</small>    | \$4,160 USD <small>2022</small><br><small>(ước tính)</small>    | \$371.85 USD <small>2022</small>   | \$360.65 USD <small>2022</small>   |
| 98.51 triệu <small>2021</small>    | 2.58% <small>2021</small>    | \$3,717 USD <small>2021</small>                                 | \$336.17 USD <small>2021</small>   | \$336.31 USD <small>2021</small>   |

### CƠ CẤU TUỔI TÁC



độ tuổi lao động: 15.22%  
15-24 sớm: 45.70%  
25-54 chính: 9.55%  
55-64 trưởng thành

### TRUNG TÂM DÂN SỐ CHÍNH



### CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHỦ CHỐT

Chế biến thực phẩm, may mặc, giày dép, máy móc; khai thác mỏ, than, thép; xi măng, phân bón hóa chất, thủy tinh, lốp xe, dầu, điện thoại di động

### CHU KỲ THANH TOÁN TRUNG BÌNH

2022 → 39 ngày

### TỶ GIÁ TRUNG BÌNH

**23,596** (USD/VND)  
tính đến tháng 6 năm 2023

### CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH

Máy móc và điện tử, dệt may, giày dép, rau củ quả, sản phẩm động vật, sản phẩm thực phẩm, nhựa hoặc cao su

### LUẬT HỢP ĐỒNG

Không có luật cụ thể quy định về thanh toán. Tùy thuộc vào bản chất của hợp đồng, tranh chấp có thể chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và/hoặc Luật Tín dụng năm 2010. Các quy định của mỗi luật có thể trùng lặp nhau.

### CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH

Hàng điện tử, máy tính và các bộ phận của chúng, điện thoại và các bộ phận của chúng, vải dệt, sắt và thép, sản phẩm nhựa, sản phẩm hóa chất

### HỆ THỐNG THU NỢ

Dịch vụ thu nợ bị cấm tại Việt Nam theo Luật Đầu tư năm 2020. Quyền thu nợ được quy định tại Điều 450 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như một quyền sở hữu có thể mua, bán và chuyển nhượng.

# Tình hình kinh tế

Việt Nam đã có một cuộc phục hồi đáng kinh ngạc vào năm 2022, được thúc đẩy bởi xuất khẩu, sự hồi phục của bán lẻ và đầu tư. Tổng giá trị xuất khẩu tăng 10,6% lên 371,85 tỷ USD và doanh số bán lẻ tăng gần 20%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 521,9 tỷ VNĐ (22,13 tỷ USD) vào năm 2022, chủ yếu đi vào ngành công nghiệp chế biến và sản xuất. Từ việc chủ yếu được biết đến với các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như sản xuất quần áo và giày dép, ngành sản xuất của đất nước đang ngày càng sản xuất các sản phẩm phức tạp hơn như điện thoại di động và phụ kiện.

Chìa khóa cho sức hấp dẫn của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất và xuất khẩu là tư cách thành viên của một số hiệp định thương mại tự do lớn với các đối tác thương mại quan trọng, bao gồm Hiệp định Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA), và Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Hàn Quốc, và nhiều đối tác khác. Sự ổn định chính trị và chi phí sản xuất và chi phí thuê đất tương đối thấp cũng là yếu tố tăng thêm lợi thế cạnh tranh cho đất nước.

---

Những yếu tố vốn có của Việt Nam - vị trí địa lý thuận lợi cho việc tiếp cận các tuyến đường vận tải hàng hải toàn cầu và gần Trung Quốc, cùng với dân số trẻ và đang tiến lên trên con đường phát triển, tạo nên một cơ sở tiêu thụ nội địa mạnh mẽ - tăng thêm sức hấp dẫn cho Việt Nam như một điểm đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong dài hạn.

---

Giống như các nền kinh tế châu Á khác, tỷ lệ lạm phát của đất nước đã tăng lên vào năm 2022, nhưng vẫn giữ ở mức tương đối ổn định. Trong khi ngân hàng trung ương cũng thắt chặt chính sách lãi suất theo xu hướng chung toàn cầu, tác động đã bị giảm bớt do việc nới lỏng trần tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp 2,32%, với gần 70% trong tổng số 52 triệu dân trong độ tuổi lao động của cả nước có việc làm.



## Thách thức và rủi ro

Giống như các nền kinh tế dựa vào xuất khẩu khác, triển vọng của Việt Nam liên quan chặt chẽ đến nền kinh tế toàn cầu. Dự kiến lạm phát và lãi suất cao sẽ làm giảm nhu cầu toàn cầu, đặc biệt là ở các nền kinh tế lớn nhất thế giới. Điều này có thể làm giảm đơn đặt hàng xuất khẩu và tiềm ẩn áp lực lên lợi nhuận của các nhà xuất khẩu Việt Nam, với tác động dây chuyền tiềm ẩn đối với hệ thống tín dụng thông qua việc chuyển đổi tiền mặt lâu hơn đối với các khoản phải thu, các khoản nợ xấu hoặc vỡ nợ.

Các công ty Việt Nam đã duy trì tính cạnh tranh trong môi trường khó khăn này bằng cách cung cấp thời gian tín dụng dài hơn mức trung bình 30 ngày thông thường từ khi phát hành hóa đơn như một cách để thưởng cho lòng trung thành của khách hàng. Tín dụng thương mại trở thành nguồn tài trợ ngắn hạn cho khách hàng đang gặp khó khăn về thanh khoản tạm thời và được sử dụng để thay thế hoặc bổ sung khoản vay ngân hàng.

Tín dụng thương mại đang trở nên phổ biến hơn khi các công ty Việt Nam mở rộng ra nước ngoài để duy trì tính cạnh tranh với các đối thủ của mình trên thị trường quốc tế. Khi thời gian thanh toán kéo dài, rủi ro không thanh toán cũng tăng lên. Các doanh nghiệp không có khả năng mở rộng tín dụng hoặc chịu đựng được mức độ tổn thất tiềm năng lớn hơn có thể sẽ thấy các tham vọng của mình bị hạn chế.

Áp lực đưa ra các điều khoản thanh toán linh hoạt hơn để thúc đẩy tăng trưởng mà vẫn quản lý hiệu quả những rủi ro đi kèm đã tạo ra nhu cầu mạnh mẽ về quản lý tín dụng chiến lược để tránh các vấn đề về thanh khoản. Những biện pháp này đặc biệt quan trọng khi luật phá sản chưa được phát triển và các quy định mới cấm thu hồi nợ có nghĩa là các doanh nghiệp thường chọn xóa nợ xấu thay vì trải qua quá trình thu hồi nợ lâu dài và tốn kém.

Theo truyền thống quản lý nội bộ, ngày càng có nhiều công ty lựa chọn lợi ích của bảo hiểm tín dụng để quản lý rủi ro do không thanh toán và thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh. Các công ty bảo hiểm tín dụng thương mại như Atradius đã thiết lập các mạng lưới địa phương để giúp các doanh nghiệp bảo vệ chống lại rủi ro không thanh toán và nợ xấu, cũng như cung cấp thông tin rủi ro có giá trị và chuyên sâu về thị trường, những thông tin mà khó có thể thu thập được.

---

Hơn nữa, các công ty kinh doanh tại Việt Nam vẫn phải đối mặt với các quy định và thủ tục hành chính khó khăn, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị doanh nghiệp yếu kém, hệ thống thuế doanh nghiệp phức tạp, cũng như khoảng cách về cơ sở hạ tầng và kết nối kỹ thuật số.

---

Chính phủ gần đây đã giới thiệu các cải cách rộng lớn để giải quyết những thách thức này, bao gồm hiện đại hóa hệ thống thuế theo tiêu chuẩn toàn cầu vào năm 2030 và đơn giản hóa cũng như giảm chi phí tuân thủ quy định lên đến 20% giữa các năm 2020 và 2025.

Mặc dù ngành sản xuất sẽ mở rộng đáng kể trong những năm tới, khả năng của Việt Nam để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hàng hóa sản xuất có thể bị hạn chế bởi hạ tầng không đáp ứng đủ, chẳng hạn như kết nối vận tải và điện lực. Theo Báo cáo Tổng quan Hạ tầng Toàn cầu, chi phí đầu tư vào hạ tầng hiện tại vẫn chưa đủ với khoảng 100 tỷ USD so với nhu cầu cần thiết. Tuy nhiên, khoảng 2.000 km đường cao tốc dự kiến sẽ được hoàn thành giữa các năm 2021 và 2025.



Mặc dù đã có các thay đổi về quy định đối với ngành ngân hàng phân mảnh của đất nước, bốn ngân hàng quốc doanh lớn nhất của Việt Nam vẫn giữ được khả năng kiểm soát các lĩnh vực như các khoản nợ xấu, bơm vốn, xóa nợ và miễn giảm điều kiện để hỗ trợ thêm cho các hoạt động kinh doanh chính của các công ty.

## Triển vọng kinh tế

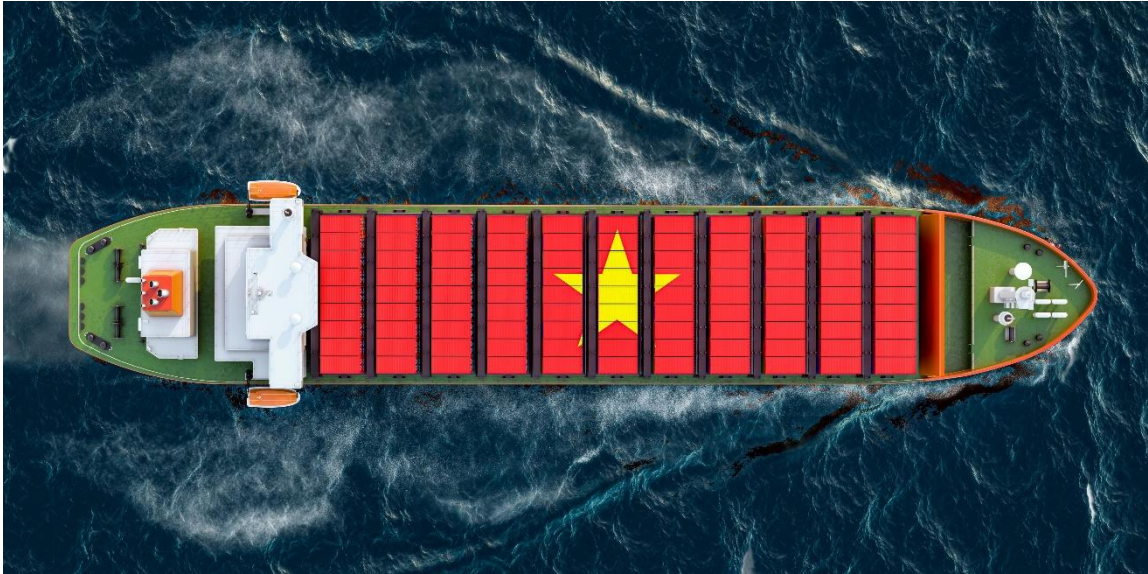
Quỹ Tiền tệ Quốc tế dự báo tốc độ tăng trưởng GDP sẽ giảm xuống 6,7% vào năm 2023, tuy nhiên nó vẫn đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế phát triển nhanh nhất châu Á, và nằm hoàn toàn trong mục tiêu của Chính phủ là 6,5% -7% cho giai đoạn 2021-2025. Dự kiến tăng trưởng xuất khẩu nông sản sẽ là điểm sáng cho nền kinh tế.

Khi Việt Nam chuẩn bị đối mặt với tác động của nhu cầu toàn cầu yếu kém dự kiến sẽ tiếp tục trong tương lai gần, mối quan hệ đặc biệt với Trung Quốc được kỳ vọng sẽ giúp giảm nhẹ tác động này, đó là một lợi thế riêng biệt mà các quốc gia khác đối mặt với các thị trường xuất khẩu tương tự có thể không có. Việc tái mở cửa của Trung Quốc sau đại dịch COVID-19 dự kiến sẽ thúc đẩy ngành du lịch của Việt Nam và cải thiện tỷ lệ thương mại với đối tác xuất khẩu lớn thứ hai của nó sau Hoa Kỳ.

Nói lỏng chính sách tiền tệ là một trong những công cụ chính mà Chính phủ có thể sử dụng trong những tháng tới để tăng cường nền kinh tế trong nước như một biện pháp đối phó với nhu cầu bên ngoài giảm sút. Hơn nữa, tỷ lệ nợ công/GDP khá là ổn định cho thấy khả năng chi tiêu của Chính phủ vẫn còn.

Việt Nam đang cố gắng tận dụng các thay đổi cơ cấu trong thương mại toàn cầu và hỗ trợ tăng trưởng GDP đồng thời, tiếp tục đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng để đảm

bảo sự bền vững của tăng trưởng trong dài hạn. Với hơn một nửa dân số đang trong độ tuổi lao động, chi phí sản xuất tương đối thấp, kết nối thương mại và ổn định chính trị, Việt Nam hiện là một trung tâm mới hấp dẫn cho chuỗi cung ứng toàn cầu.



Khi nền kinh tế Việt Nam trưởng thành, nền kinh tế dịch vụ của nó - hiện là ngành đóng góp lớn nhất vào GDP của đất nước - có nhiều khả năng phát triển mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi lợi thế dân số trẻ tuổi và trình độ giáo dục cao. Nền kinh tế số của Việt Nam cũng dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh chóng trong giai đoạn từ 2022 đến 2026, và sẽ là nền kinh tế số phát triển nhanh nhất vào năm 2026 trong số 51 quốc gia được khảo sát trong Chỉ số Nền kinh tế số FT-Omdia.

Hành trình đáng kinh ngạc của đất nước trong 30 năm qua - chuyển từ một nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá và đóng cửa thành một nền kinh tế mở và cạnh tranh toàn cầu - là một tiền lệ tích cực cho khả năng của Việt Nam đạt được tham vọng trở thành một quốc gia thu nhập cao trong vài thập kỷ tới.

Đối với các doanh nghiệp có sự kiên nhẫn để chờ đợi sự phát triển đầy đủ của nền kinh tế Việt Nam, việc định vị từ bây giờ để chuẩn bị cho các cơ hội sắp tới sẽ là chìa khóa. Hợp tác với các đối tác chuyên nghiệp trên địa bàn có mạng lưới ngành rộng và hiểu sâu về các hoạt động kinh doanh chính, bao gồm quản lý rủi ro tín dụng, có thể mang lại lợi thế cho những người đi đầu.

*Bài viết này được thực hiện với sự giúp đỡ của các chuyên gia Atradius sau đây: Michael Frigo, Giám đốc khu vực Đông Nam Á; Hạnh Vũ, Giám đốc quốc gia, Việt Nam; Anh Ngô, Chuyên viên phân tích rủi ro cấp cao, Việt Nam*

*All content on this page is subject to our Disclaimer, available at <https://atradius.sg/disclaimer.html>*